TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH KHÁNH HÒA** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 36/2018/HS-ST
Ngày 19 - 7 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Vinh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quốc Tân
Bà Trần Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2018, Tòa án nhân dân huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/HSST-QĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018; Thông báo về việc dời ngày xét xử; Quyết hoãn phiên tòa số: 16/2018/HSST-QĐ ngày 31/5/2018 và Quyết hoãn phiên tòa số: 22/2018/HSST-QĐ ngày 27/6/2018 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Ngọc H (tên gọi khác: Huỳnh Trung H) - sinh năm 1971 tại Khánh Hòa; Nơi ĐKNKTT: số 5/N Khu Q, đường Hùng V, phường Lộc T, thành phố N. Chỗ ở : 120 đường P, phường P, thành phố N, Khánh Hòa. Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Huỳnh Văn P (Chết) và bà Đỗ Thị Thu A (sinh năm: 1948); Vợ Phạm T (sinh năm 1975) có 1 con (sinh năm 2009);

- Tiền án:

+ Bản án số 434/1993 ngày 25/9/1993, Tòa án nhân dân tối cao Đà Nẵng xử phạt 11 năm 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân" và "Trốn khỏi nơi giam". Tổng hợp bản án số 75/1991/HSST ngày 25/7/1991, hình phạt tù là 18 năm 6 tháng 2 ngày tù. Chấp hành xong ngày 29/9/2007.

+ Bản án số 111/2010/HSPT ngày 28/6/2010, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 4 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong ngày 09/12/2013.

- Nhân thân:

+ Bản án số 100/1989/HSST ngày 24/10/1989, Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân".

+ Bản án số 75/1991/HSST ngày 25/7/1991, Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 8 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa", "Trộm cắp tài sản công dân" và "Trốn khỏi nơi giam".

+ Ngày 13/6/2017, Công an thành phố N khởi tố về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác; Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Sơn Đ - sinh năm 1976, tại huyện D.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: P 2, Diên P, huyện D. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông (không xác định) và bà Nguyễn Thị B (sinh năm 1953); Có vợ Võ Thị Diệu H (sinh năm 1983), có 01 con (sinh năm 2015);

- Tiền án:

+ Bản án số 129/1994/HSPT ngày 16/12/1994, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân".

+ Bản án số 44/1995/HSST ngày 04/12/1995, Tòa án nhân dân huyện D xử phạt 10 tháng 27 ngày tù về tội "Trốn khỏi nơi giam".

+ Bản án số 121/1996/HSST ngày 11/11/1996, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 4 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân".

+ Bản án số 11/1998/HSPT ngày 09/6/1998, Tòa án nhân dân huyện Đồng X, tỉnh Phú Yên xử phạt 03 năm tù về tội "Trốn khỏi nơi giam".

+ Bản án số 02/2006/HSST ngày 11/01/2006, Tòa án nhân dân huyện D xử phạt 66 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và "Trốn khi đang bị dẫn giải".

+ Bản án số 02/2010/HSST ngày 16/3/2010, Tòa án nhân dân huyện Khánh V xử phạt 4 năm 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

+ Bản án số 18/2016/HSPT ngày 29/02/2016, Tòa án tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Nhân thân:

+ Ngày 13/6/2017, Công an thành phố N khởi tố về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Ngọc T (tên gọi khác: T Mêhicô) - sinh năm 1967 tại Khánh Hòa. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: 248/4 đường P, phường P, thành phố N, Khánh Hòa. Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Q (sinh năm 1941) và bà Phan Thị T (sinh năm 1939); Có vợ Phan Thị C (sinh năm: 1983) và 01 con (sinh năm 2017); Tiền án, tiền sự: Không

- Nhân thân:

+ Bản án số 26/1985/HSST ngày 30/12/1985, Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 03 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Chấp hành xong ngày 09/01/1986.

+ Bản án số 59/1991/HSST ngày 30/9/1991, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 05 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân"; 9 tháng tù về tội "Trốn khỏi nơi giam" chấp hành án tại Trại giam A2 đến ngày 12/11/1991 thì bỏ trốn.

+ Bản án số 100/1995/HSPT ngày 24/3/1995, Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 20 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân"; "Cướp giật tài sản của công dân"; "Trốn khỏi nơi giam".

+ Bản án số 47/2017/HSST ngày 27/7/2017, Tòa án nhân dân huyện D xử phạt 01 năm tù về tội "trộm cắp tài sản".

+ Ngày 13/6/2017, Công an thành phố N khởi tố về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác; Có mặt tại phiên tòa.

4. Phan Gia P - sinh năm 1972 tại tỉnh Bình Định.

Nơi ĐKNKTT:189 đường Nguyễn Thái H, Ngô M, Tp Q, Bình Định.

Chỗ ở : không có chỗ ở cố định. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Phan Chánh B (sinh năm 1945) và bà Nguyễn Thị K (sinh năm 1950); Có vợ Đỗ Minh C (sinh năm: 1977) và 02 con (lớn nhất sinh năm 2000 và nhỏ nhất 2003); Tiền án, tiền sự: Không

- Nhân thân:

+ Ngày 13/6/2017, Công an thành phố N khởi tố về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác; Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại*:

Chị Nguyễn Thị Minh T - sinh năm 1987

Địa chỉ: thôn P 3 - xã Diên A - huyện D - tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng*:

Chị Trương Thanh B - sinh năm 1987

Địa chỉ: thôn P 3 - xã Diên A - huyện D - tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 ngày 15/5/2017, Huỳnh Ngọc H, Nguyễn Sơn Đ, Nguyễn Ngọc T và Phan Gia P điều khiển 02 xe mô tô BKS 79 D1 - 42502 và 77F3 - 2103 đi tìm tài sản để trộm cắp trên địa bàn huyện D (khi đi, Đ chở H, P chở T). Khi đến khu vực đường 23/10 thuộc thôn P 3 - xã Diên A - huyện D, cả nhóm phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại AirBlade, BKS 79D1 - 27000 của chị Nguyễn Thị Minh T dựng ở lề đường bên phải, không có người trông coi nên dừng xe lại tìm cách trộm cắp. Hậu xuống xe đi bộ tiếp cận xe mô tô BKS 79D1 - 27000, còn Đ, T, P đứng cảnh giới từ xa. H dùng đoản mang theo sẵn phá khóa xe rồi khởi động xe mô tô BKS 79D1-27000 đi về hướng thành phố N; Đ, T và P thấy vậy đi theo. Sau đó, cả nhóm đi đường vòng qua xã Vĩnh P - thành phố N đến khu vực mỏ đá Hòn N thuộc xã Diên S - huyện D, tháo BKS xe mô tô 79D1 - 27000 rồi lắp BKS khác vào xe, cả nhóm mang xe mô tô trộm cắp được đến nhà Nguyễn Sơn Đ (thuộc thôn P 2, xã Diên P, huyện D) cất giấu. Ngày hôm sau, Đ và P điều khiểu xe mô tô trộm cắp được vào thành phố H bán cho một người lạ mặt (không xác định

được nhân thân, lai lịch) được 8.000.000 đồng, cả nhóm chia nhau tiêu xài cá nhân. Ngày 18/5/2017, chị Nguyễn Thị Minh T có đơn trình báo sự việc mất trộm xe mô tô cho Công an xã Diên A - huyện D.

Tại bản kết luận định giá số 92/ĐGTS ngày 18/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện D xác định: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại AirBlade, BKS 79D1 - 27000 có giá trị là 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 02/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố bị cáo Huỳnh Ngọc H về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Sơn Đ, Phan Gia P và Nguyễn Ngọc T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D - tỉnh Khánh Hòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Huỳnh Ngọc H. Đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc H từ 03 (Ba) năm - 04 (Bốn) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Sơn Đ. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Sơn Đ từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng - 02 (Hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 01 (Một) năm - 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Phan Gia P. Đề nghị xử phạt bị cáo Phan Gia P từ 09 (Chín) tháng - 01 (Một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về phần dân sự: Tại phiên tòa, người bị hại không yêu cầu gì về phần dân sự nên không xem xét. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người làm chứng chị Trương Thanh B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Áp dụng Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án, các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên toà, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra công khai tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị cáo Huỳnh Ngọc H về tội danh trên theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn Sơn Đ, Phan Gia P và Nguyễn Ngọc T về tội danh trên theo theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện D truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nói trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho người dân trong việc bảo quản tài sản, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là đang ở độ tuổi lao động, nhưng lại lười biếng lao động, không chịu khó làm việc lương thiện, chỉ vì muốn nhanh chóng có tiền để tiêu xài cho nhu cầu cá nhân, các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để lấy cắp tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện sự ngang nhiên, xem thường pháp luật nên cần phải xử phạt nghiêm khắc các bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò, tính chất, mức độ của từng bị cáo:

Bị cáo Huỳnh Ngọc H là người rủ rê và cũng là người đã trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản. Bản thân bị cáo có 02 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" và "Trốn khỏi nơi giam", chưa được xóa án tích và có nhân thân xấu nhưng bị cáo vẫn không lấy đây là bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân trở thành người công dân có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt của bị cáo Hậu cao hơn so với các bị cáo khác.

Bị cáo Nguyễn Sơn Đ với vai trò đồng phạm giúp sức đứng ngoài cảnh giới, khi được bị cáo H rủ là đồng ý cùng thực hiện, là người cất giữ tài sản, trực tiếp đi giao dịch bán tài sản khi lấy được. Bản thân bị cáo có 07 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" và "Trốn khỏi nơi giam", chưa được xóa án tích, nhưng bị cáo vẫn không lấy đây là bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân trở thành người công dân có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội thuộc tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo Đ với mức hình phạt thấp hơn bị cáo H, nhưng cao hơn 02 bị cáo T và P.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T với vai trò đồng phạm giúp sức đứng ngoài cảnh giới, nhưng bị cáo có nhân thân xấu, trong năm 1985 đã bị xử về tội "Cố ý gây thương tích"; năm 1991 đã bị xử về tội "Trộm cắp tài sản"; năm 1995 đã bị xử về tội "Trộm cắp tài", "Cướp giật tài sản", "Trốn khỏi nơi giam"; năm 2017 đã bị xử về tội "Trộm cắp tài sản"; nên khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo T sẽ thấp hơn mức hình phạt của bị cáo H, Đ, nhưng cao hơn bị cáo P.

Đối với bị cáo Phan Gia P với vai trò đồng phạm giúp sức đứng ngoài cảnh giới, cùng đi giao dịch bán tài sản với Đ khi lấy được, nhưng mức độ tham gia hạn

chế hơn. Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; nên xử phạt bị cáo P sẽ thấp hơn so với các bị cáo H, Đ và T.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Riêng các bị cáo T, P đã bồi thường cho người bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo T, P nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Về phần dân sự: Hồ sơ và tại phiên tòa, người bị hại chị Nguyễn Thị Minh T thừa nhận đã nhận 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) do gia đình các bị cáo T, P bồi thường (mỗi bị cáo bồi thường 7.000.000 đồng) và không yêu cầu gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Các bị cáo Huỳnh Ngọc H, Nguyễn Sơn Đ, Nguyễn Ngọc T và Phan Gia P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Huỳnh Ngọc H .

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Ngọc H (tên gọi khác: Huỳnh Trung H) 03 (Ba) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Sơn Đ.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Sơn Đ 02 (Hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Phan Gia P.

Xử phạt: Bị cáo Phan Gia P 06 (Sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

[2]. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Các bị cáo Huỳnh Ngọc H, Nguyễn Sơn Đ, Phan Gia P và Nguyễn Ngọc T mỗi bị cáo nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện D;
- Các bị cáo; bị hại;
- Lưu THA hình sự, hồ sơ.

Vũ Thị Kim Vinh